

Số: 48/2024/QĐST-DS

Tân Hồng, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 241/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: **Tổ F, Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện theo ủy quyền của anh **T** là chị **Đỗ Thị Ngọc O**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- Bị đơn: 1/ Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: **Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

2/ Bà **Hà Thị Ánh N** (Vợ anh **B**), sinh năm 1968.

Địa chỉ: **Tổ A, Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ **Phạm Thị B1** (Vợ anh **T**), sinh năm 1974;

2/ **Trần Thị Thái N1** (Con anh **T**), sinh năm 2000;

3./ **Trần Thị N2** (Con anh **T**), sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: **Áp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông **Lê Văn B**, bà **Hà Thị Ánh N** đồng ý, tự nguyện, thống nhất di dời toàn bộ căn nhà và các vật kiến trúc, cây trồng trên đất để trả lại diện tích 67.5m², thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 99, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, tọa lạc tại **ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** cho hộ anh **Trần Văn T**, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất **Ủy ban nhân dân xã B** quản lý có chiều dài 05 mét từ mốc M2 đến mốc M3.

- Hướng Tây giáp đường nhựa có chiều dài 05 mét từ mốc M1 đến mốc M4.

- Hướng Nam giáp đất anh **Lê Văn Trường G** có chiều dài 13,5 mét từ mốc M3 đến mốc M4.

- Hướng Bắc giáp đất **Lê Văn Tuấn A** có chiều dài 13,5 mét từ mốc M1 đến mốc M2.

(Có sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo)

Công nhận sự tự nguyện của anh **Trần Văn T** về việc để ông **Lê Văn B**, bà **Hà Thị Ánh N** được quyền lưu trú trong thời hạn 06 (Sáu) tháng trong thời gian ông **B**, bà **N** tìm chỗ ở ổn định khác kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận sự tự nguyện thống nhất của các đương sự về giá trị đất tranh chấp có giá trị là 200.000đồng/01m².

2.2 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ anh **Trần Văn T** tự nguyện chịu, anh **T** đã thanh toán xong.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Lê Văn B**, bà **Hà Thị Ánh N** phải liên đới nộp 337.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên anh **Trần Văn T** tự nguyện nộp thay. Do đó, anh **Trần Văn T** nộp 337.500đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000đồng theo biên lai số 0002804 ngày 09-10-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, anh **Trần Văn T** được hoàn trả lại 912.500đồng (Chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Cư